

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2019

V/v “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Chí Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phiên

2. Bà Bùi Thị Hải Đường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D xét xử công khai vụ án thụ lý số: 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N; sinh năm: 1980. Địa chỉ : Tổ 15, Ấp B1, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử mặt).

Bị đơn: Anh Cao Văn M; sinh năm: 1978. Địa chỉ : Tổ 15, Ấp B1, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:

Chị và anh Cao Văn M chung sống từ tháng 4 năm 1999 không đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng ý kiến, vợ chồng ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay, trong quá trình ly thân thì vợ chồng không có gặp nhau bàn giải pháp đoàn tụ. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Cao Văn M.

Về con chung: 01 cháu Cao Thị Thùy L, sinh ngày 02/9/2001, hiện con chung đang sống với anh M, chị đồng ý để anh M tiếp tục nuôi cháu L.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Cao Văn M trình bày : Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chỉ bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý vì vợ chồng ly thân và không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ được.

Về con chung: 01 cháu Cao Thị Thùy L, sinh ngày 02/9/2001. Hiện đang sống với anh, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu L, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Đoàn Thị N và bị đơn anh Cao Văn M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do chị Đoàn Thị N và anh Cao Văn M chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Đoàn Thị N và anh Cao Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Thùy L, sinh ngày 02/9/2001 cho anh Cao Văn M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị N được quyền đến thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị N và anh Cao Văn M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 1; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh M là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Đoàn Thị N và anh Cao Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 không có đăng ký kết hôn đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật hôn nhân và gia đình. Nay chị N yêu cầu xin ly hôn anh M Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố

không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh M là đúng quy định pháp luật.

Về con chung: Chị Đoàn Thị N thống nhất để anh Cao Văn M tiếp tục nuôi con Cao Thị Thùy L; sinh ngày 02/9/2001 và theo nguyện vọng của cháu L mong muốn được sống với ba, do đó nhằm tạo điều kiện ổn định về mặt vật chất cũng như tinh thần của cháu L, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Cao Thị Thùy L; sinh ngày 02/9/2001 cho anh M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị N được quyền đến thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đoàn Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 15; 53; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 28, Khoản 4; Điều 147; Khoản 1; Điều 228; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Đoàn Thị N và anh Cao Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Thị Thùy L; sinh ngày 02/9/2001 cho anh Cao Văn M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đoàn Thị N được quyền đến thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đoàn Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh theo biên lai thu số 0011470 ngày 05/3/2019 (đã nộp xong).

Chị Đoàn Thị N và anh Cao Văn M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- CC THA DS Huyện D,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Chí Quốc